TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 121/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 14 - 11 - 2019
V/v: *ly hôn, chia tài sản khi ly hôn.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Dư Thanh Nguyễn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đoàn Quốc Thống

Ông Trần Công Đẳng

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Huỳnh Hoàng Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Duy Lễ – Kiểm sát viên.

Từ ngày 13 đến ngày 14 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 54/2017/TLST - HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2017 về ly hôn, chia tài sản khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 23 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Đỗ Văn L , sinh năm 1972

Trú tại: ấp 15, xã KL, huyện U M, tỉnh CM (có mặt)

- *Bị đơn:* Bà Lâm Thị H, sinh năm 1972

Trú tại: ấp 15, xã KL, huyện U M, tỉnh CM (có mặt)

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ngân hàng chính sách xã hội – phòng giao dịch huyện U Minh

Địa chỉ: khóm 3, thị trấn U Minh, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (có đơn xin vắng mặt)

2/ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn – chi nhánh huyện U Minh

Địa chỉ: khóm 3, thị trấn U Minh, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (có đơn xin vắng mặt)

3/ Bà Đỗ Thị M, sinh năm 1976

Trú tại: ấp 15, xã KL, huyện U M, tỉnh CM (vắng mặt)

4/ Bà Lê Cẩm Đ (Lê Thị Đ), sinh năm 1971; cháu Đỗ Văn N, sinh năm 2003; cháu Đỗ Bích H, sinh năm 2004 (chết)

Cùng trú tại: ấp 7, xã KT, huyện U M, tỉnh CM (Bà Đ, cháu Năng vắng mặt).

Là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Đỗ Văn N (ông Nói chết)

5/ Ông Hà Văn Ch, sinh năm 1963

Trú tại: ấp Kênh Dớn, xã Khánh Bình Tây Bắc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau (có đơn xin vắng mặt).

6/ Ông Lâm Văn Đ (Lâm Ngọc Đ)

Trú tại: ấp 15, xã KL, huyện U M, tỉnh CM (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn ông Đỗ Văn L trình bày:*

Về hôn nhân: Ông L và bà Lâm Thị H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1997, không có đăng ký kết hôn, trong thời gian chung sống thì phát sinh mâu thuẫn và được Tòa án nhân dân huyện U Minh xét xử sơ thẩm và Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm không công nhận ông và bà H là vợ cH bản án đã có hiệu lực pháp luật nên không yêu cầu giải quyết về hôn nhân.

Về con chung: Đã được giải quyết ở 2 cấp sơ thẩm và phúc thẩm và bản án đã có hiệu lực pháp luật nên không yêu cầu xem xét.

Về tài sản chung: Gồm có 1 căn nhà ông L xác định giá trị 12.000.000 đồng, ông L không yêu cầu giải quyết đối với căn nhà này. Riêng diện tích đất 13.680 m^2 tại ấp 15, xã Khánh Lâm, huyện U Minh là tài sản của cha mẹ ông, do cha mẹ ông lớn tuổi nên để ông đứng tên trong hợp đồng giao khoán, hiện nay đã hết hạn hợp đồng giao khoán nhưng ông chưa đăng ký lại, ông không đồng ý chia đôi phần đất theo yêu cầu của bà H.

Về nợ:

- Nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn số tiền gốc là 22.000.000 đồng và tiền lãi 24.939.509 đồng, tổng cộng là 46.939.509 đồng theo yêu cầu của Ngân hàng, ông yêu cầu trường hợp ông được nhận hết diện tích đất thì ông trả cho Ngân hàng, trường hợp chia đất cho bà H thì chia đôi nợ với bà H để trả nợ.

- Nợ Ngân hàng chính sách xã hội phòng giao dịch huyện U Minh số tiền gốc là 12.000.000 đồng và lãi là 6.246.242 đồng, tổng cộng là 18.246.242 đồng, ông L yêu cầu chia 2 với bà H để trả nợ.

- Nợ ông Hà Văn Ch 20 chỉ vàng 24k, ông L đồng ý trả 12 chỉ vàng 24k, yêu cầu bà H trả 8 chỉ vàng 24k.

** Bị đơn bà Lâm Thị H trình bày:*

Về hôn nhân, con chung: Đã được giải quyết xong không yêu cầu xem xét.

Về tài sản chung:

- Có căn nhà như ông L trình bày và bà cũng không yêu cầu giải quyết liên quan đến căn nhà này.

- Đối với diện tích đất 13.680 m^2 tại ấp 15, xã Khánh Lâm, huyện U Minh là tài sản chung của bà và ông L và yêu cầu chia đôi.

Về nợ chung:

- Nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn số tiền gốc là 22.000.000 đồng và tiền lãi 24.939.509 đồng, tổng cộng là 46.939.509 đồng và nợ Ngân hàng chính sách xã hội phòng giao dịch huyện U Minh số tiền gốc là 12.000.000 đồng và lãi là 6.246.242 đồng, tổng cộng là 18.246.242 đồng, bà đồng ý cùng ông L chia đôi để trả.

- Nợ ông Hà Văn Ch bà H thống nhất trả 8 chỉ vàng 24k.

Việc thuê đất giữa ông Lâm Ngọc Đ với bà đã chấm dứt 2 bên đã thanh toán dứt điểm với nhau, không xảy ra tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:*

Ngân hàng chính sách xã hội phòng giao dịch huyện U Minh trình bày: Ông L và bà H có vay của Ngân hàng chính sách xã hội chương trình cận nghèo với số tiền gốc 12.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 12/11/2019 là 6.246.242 đồng, tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 18.246.242 đồng. Ngân hàng chính sách xã hội yêu cầu ông L bà H trả 18.246.242 đồng và lãi phát sinh đến khi thanh toán dứt điểm nợ.

Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện U Minh trình bày: Ông L và bà H có vay của Ngân hàng nông nghiệp với số tiền gốc 22.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 12/11/2019 là 24.939.509 đồng, tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 46.939.509 đồng. Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn yêu cầu ông L bà H trả số tiền gốc và lãi là 46.939.509 đồng và tiền lãi phát sinh đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Tại đơn yêu cầu đề ngày 17/7/2014 bà Đỗ Thị M trình bày: Cha mẹ bà là ông Đỗ Thành L và bà Huỳnh Thị U trước đây có một phần đất ngang 30 mét dài 456 mét tại ấp 15, xã Khánh Lâm, huyện U Minh, khi cha mẹ còn sống thì phần đất này tạm giao cho ông Đỗ Văn L cùng vợ là Lâm Thị H quản lý sử dụng để nuôi dưỡng cha me. Cha mẹ đã qua đời không để lại di chúc, bà M yêu cầu được chia thừa kế ngang 10 mét dài 456 mét, diện tích 4.560 m^2.

Tại đơn yêu cầu đề ngày 17/7/2014 ông Đỗ Văn N trình bày: Cha mẹ ông là ông Đỗ Thành L và bà Huỳnh Thị U trước đây có một phần đất ngang 30 mét dài 456 mét tại ấp 15, xã Khánh Lâm, huyện U Minh, khi cha mẹ còn sống thì phần đất này tạm giao cho ông Đỗ Văn L cùng vợ là Lâm Thị H quản lý sử dụng để nuôi dưỡng cha me. Cha ông đã qua đời không để lại di chúc, ông Nói yêu cầu được chia thừa kế ngang 10 mét dài 456 mét, diện tích 4.560 m^2 .

Tại biên bản ghi lời khai ngày 13/4/2016 bà Lê Cẩm Đ trình bày: Bà và ông Đỗ Văn N là vợ chồng bà và ông N có 2 người con chung là Đỗ Văn N và Đỗ Bích H, ông N chết vào ngày 23/10/2014.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 16/11/2018 ông Hà Văn Ch trình bày: Vào năm 2013 ông có cố của anh Đỗ Văn L và chị Lâm Thị H một phần đất không nhớ diện tích là bao nhiêu với số vàng 20 (hai mươi) chỉ vàng 24k. Hiện nay ông đã trả đất cho anh L, chị H nhưng anh L, chị H chưa trả lại ông 20 (hai mươi) chỉ vàng 24k. Việc cố đất này anh L và chị H cùng thống nhất. Ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh L và chị H trả lại ông 20 (hai mươi) chỉ vàng 24k ngoài ra ông không yêu cầu gì khác.

Tại biên bản ghi lời khai của đương sự ngày 22/02/2019 ông Lâm Ngọc Đ trình bày: Vào năm 2014 ông có thuê của chị Lâm Thị H một phần đất 8 công tại ấp 15, xã Khánh Lâm, huyện U Minh, giá thuê mỗi năm là 9.000.000 đồng, thời hạn thuê là 2 năm, đã hết hạn hợp đồng, 2 bên đã chấm dứt hợp đồng không còn liên quan.

Tại bản án số 76/2016/HNGĐ-ST ngày 24/8/2016 của Tòa án nhân dân huyện U Minh tuyên xử về hôn nhân không công nhận ông Đỗ Văn L và bà Lâm Thị H là vợ cH; về con chung giao cho ông L nuôi dưỡng cháu Đỗ Ngọc Mai, bà H nuôi dưỡng cháu Đỗ Minh Khải; về tài sản chung ông L được chia diện tích đất 6.840 m^2, bà H được chia diện tích đất 6.840 m^2; Ông L được quản lý sử dụng căn nhà, ông L có nghĩa vụ trả cho bà H giá trị ½ căn nhà là 6.000.000 đồng; về nợ chung buộc ông L và bà H trả nợ cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn và ngân hàng chính sách xã hội mỗi người trả ½ ; buộc ông L trả cho ông Chiến 11 chỉ vàng 24k, bà H trả cho ông Chiến 9 chỉ vàng 24k, ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí đo đạc, án phí.

Ngày 08/9/2016 ông Đỗ Văn L kháng cáo với nội dung không đồng ý phân chia phần đất theo yêu cầu của bà H vì đây là tài sản riêng của cha mẹ để lại cho ông.

Tại bản án số 68/2016/HNGĐ-PT ngày 27/12/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau tuyên xử hủy một phần bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 76/2016/HNGĐ-ST ngày 24/8/2016 của Tòa án nhân dân huyện U Minh về phần tài sản và nợ. Giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện U Minh để giải quyết lại về phần tài sản và nợ.

** Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm:* Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thực hiện đúng về thẩm quyền, nhiệm vụ quyền hạn của Thẩm phán, xác minh thu thập chứng cứ, hòa giải. Tuy nhiên , còn để vụ án quá hạn nhưng không làm ảnh hưởng đến nội dung giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của pháp luật; Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quyền nghĩa vụ, riêng bà M, bà Đ, cháu Năng chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Quan điểm giải quyết vụ án chấp: Về hôn nhân, con chung đã được giải quyết bằng bản án số 76/2016/HNGĐ-ST ngày 24/8/2016 nên không xem xét.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 26, 28, 35, 39, 74, 85 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 106 Luật đất đai năm 2003. Buộc ông L, bà H có nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện U Minh mỗi người là 23.469.754 đồng; trả cho Ngân hàng chính sách xã hội phòng giao dịch huyện U Minh mỗi người là 9.123.121 đồng; buộc ông L trả cho ông Chiến 12 chỉ vàng 24k, buộc H trả cho ông Chiến 08 chỉ vàng 24k; ông L và bà H mỗi người được nhận diện tích đất 6.840 m^2 đất; về án phí các đương sự chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Đỗ Văn L và bà Lâm Thị H tranh chấp về chia tài sản khi ly hôn, theo khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện U Minh; Ngân hàng chính sách xã hội phòng giao dịch huyện U Minh; ông Hà Văn Ch; ông Lâm Ngọc Đ có đơn xin vắng mặt. Bà Đỗ Thị M, bà Lê Cẩm Đ, cháu Đỗ Văn N vắng mặt không lý do nên xét xử vắng mặt các đương sự trên theo Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân, về con chung: Đã được giải quyết bằng bản án số 76/2016/HNGĐ-ST ngày 24/8/2016 của Tòa án nhân dân huyện U Minh có hiệu lực pháp luật nên không xem xét.

[3] Về tài sản chung:

- Tại phiên tòa ông Đỗ Văn L và bà Lâm Thị H cùng xác định có căn nhà 2 bên cùng thống nhất giá trị là 12.000.000 đồng nhưng ông L và bà H không yêu cầu giải quyết đối với căn nhà này nên công nhận sự tự nguyện này của ông L và bà H.

- Đối với diện tích đất theo kết quả đo đạc thực tế của Văn phòng đăng ký đất đai huyện U Minh có diện tích 13.680 m^2, vị trí đất phía Đ giáp đất của bà Nguyễn Thị Bá dài 456 mét; phía Tây giáp đất của bà Sơn Thị Hai dài 456 mét; phía Nam giáp lộ nhựa T29 dài 30 mét; phía Bắc giáp bờ xáng kênh 500 dài 30 mét, đất thuộc ấp 15, xã Khánh Lâm, huyện U Minh.

Ông L cho rằng phần đất này là cấp cho cha, mẹ ông là ông Đỗ Văn Lưỡng và bà Huỳnh Thị U diện người có công nhưng do ông Lưỡng, bà Út lớn tuổi nên ông chỉ đứng tên trong sổ hợp đồng giao khoán đất nên không đồng ý chia đôi theo yêu cầu của bà H còn bà H cho rằng đất này giao khoán cho bà và ông L đây là tài sản chung nên yêu cầu chia đôi. Xét yêu cầu của ông L và bà H nhận thấy, tại Giấy xác nhận ngày 28/4/2004 của Ủy ban nhân dân xã Khánh Bình Tây bắc, huyện Trần Văn Thời với nội dung "Vào năm 2002, tỉnh có chủ trương lập dự án cấp đất cho hộ nghèo không có đất, trong đó có tên ông Lưỡng, bà Út nên ông, bà có đến yêu cầu thì chúng tôi mới trả lời là là ông, bà quá già, quá tuổi lao động nên không cấp, thì ông bà mới đưa cuốn sổ hộ khẩu ra thì trong đó có tên con của ông bà là ông Đỗ Văn L như vậy hộ có lao động chúng tôi thống nhất cấp cho gia đình ông bà trong đó con ông bà đứng tên" và tại

phiên tòa ông L và bà bà H cũng thừa nhận cấp đất là cấp cho hộ gia đình, thời điểm cấp đất là thành viên hộ được cấp đất bao gồm ông Đỗ Thành L, bà Huỳnh Thị U, ông Đỗ Văn L, bà Lâm Thị H, anh Đỗ Văn N. Ông Lưỡng, bà Út đã chết không để lại di chúc, ông Lưỡng, bà Út có 3 người con gồm Đỗ Văn L, ông Đỗ Văn N, bà Đỗ Thị M. Bà M anh Nói yêu cầu chia thừa kế theo quy định của pháp luật, ông Nói chết vợ ông Nói là bà Lê Cẩm Đvà con là cháu Đỗ Văn N, cháu Đỗ Bích H (cháu H chết) là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Nói nhưng Tòa án triệu tập bà M, bà Đ, cháu Năng nhiều lần tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do, do đó đình chỉ yêu cầu chia thừa kế phần đất này của bà M và ông N theo điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng anh Đỗ Văn N (anh N là con riêng của anh N) thời điểm được cấp đất anh là thành viên hộ gia đình được cấp đất nhưng anh không yêu cầu gì liên quan đến phần đất này và yêu cầu không tham gia tố tụng nên không xem xét và cũng không đưa anh Năng tham gia tố tụng. Tại Công văn số 3296/UBND-NĐ ngày 18/11/2015 của Ủy ban nhân dân huyện U Minh xác định phần đất ông L quản lý phù hợp với quy hoạch, đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tại Công văn số 29/CV-UBND ngày 16/10/2018 của Ủy ban nhân dân xã Khánh Lâm xác định anh L chưa làm thủ tục kê khai đăng ký làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông L và bà H cũng thống nhất chưa đăng ký làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do 2 bên còn đang trạnh chấp. Mặt khác, từ khi được giao đất ông L, bà H quản lý và sử dụng đất và hiện nay bà H đang quản lý canh tác nên có căn cứ phần đất này là của bà H và ông L quản lý hợp pháp nên yêu cầu của bà H chia đôi diện tích đất là có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên, phần đất tranh chấp cơ quan có thẩm quyền chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng nên giao cho bà H và ông L quản lý. Từ căn cứ trên:

Đình chỉ yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất của bà Đỗ Thị M và ông Đỗ Văn N và người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Nói là bà Lê Thị Đ, cháu Đỗ Văn N, với diện tích mỗi người yêu cầu là 4.560 m^2.

Giao cho ông Đỗ Văn L quản lý diện tích đất 6.840 m^2, tại ấp 15, xã KL, huyện U M, tỉnh CM, có vị trí tiếp giáp như sau: Phía Đ giáp đất của bà Nguyễn Thị Bá dài 456 mét, phía Tây giáp đất giao cho bà Lâm Thị H quản lý dài 456 mét, phía Nam giáp lộ nhựa T29 dài 15 mét, phía Bắc giáp bờ xáng kênh 500 dài 15 mét, phần đất giao cho ông Đỗ Văn L quản lý bà H đang quản lý, buộc bà H có nghĩa vụ giao lại cho ông Đỗ Văn L.

Giao cho bà Lâm Thị H quản lý diện tích đất 6.840 m^2, tại ấp 15, xã KL, huyện U M, tỉnh CM, có vị trí tiếp giáp như sau: Phía Đ giáp đất giao cho ông Đỗ Văn L quản lý dài 456 mét, phía Tây giáp đất bà Sơn Thị Hai dài 456 mét, phía Nam giáp lộ nhựa T29 dài 15 mét, phía Bắc giáp bờ xáng kênh 500 dài 15 mét, phần đất do bà H đang quản lý, bà H tiếp tục quản lý.

[4] Về nợ chung:

Đối với khoản nợ Ngân hàng chính sách xã hội phòng giao dịch huyện U Minh: Ngân hàng chính sách xã hội, ông L và bà H cùng thống nhất tính đến thời điểm ngày 12/11/2019 ông L, bà H còn nợ với số tiền gốc 12.000.000 đồng, tiền lãi là 6.246.242 đồng, tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 18.246.242 đồng.

Ngân hàng chính sách xã hội yêu cầu ông L bà H trả 18.246.242 đồng và lãi phát sinh đến khi thanh toán dứt điểm nợ. Ông L và bà H cùng thống nhất mỗi người trả ½. Do đó, buộc ông Đỗ Văn L trả cho Ngân hàng chính sách xã hội phòng giao dịch huyện U Minh số tiền gốc là 6.000.000 đồng và tiền lãi là 3.123.121 đồng, tổng cộng là 9.123.121 đồng và lãi phát sinh sau ngày 12/11/2019 cho đến khi trả xong tiện vay. Buộc bà Lâm Thị H trả cho Ngân hàng chính sách xã hội phòng giao dịch huyện U Minh số tiền gốc là 6.000.000 đồng và tiền lãi là 3.123.121 đồng, tổng cộng là 9.123.121 đồng và lãi phát sinh sau ngày 12/11/2019 cho đến khi trả xong tiện vay.

Đối với khoản nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện U Minh: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn, ông L và bà H cùng thống nhất tính đến thời điểm ngày 12/11/2019 ông L, bà H còn nợ với số tiền gốc 22.000.000 đồng, tiền lãi là 24.939.509 đồng, tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 46.939.509 đồng. Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn yêu cầu ông L và bà H trả tiền gốc và tiền lãi là là 46.939.509 đồng và lãi phát sinh đến khi thanh toán dứt điểm nợ. Ông L và bà H cùng thống nhất mỗi người trả ½. Do đó, buộc ông Đỗ Văn L trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện U Minh huyện U Minh số tiền gốc là 11.000.000 đồng và tiền lãi là 12.469.754 đồng, tổng cộng là 23.469.754 đồng và lãi phát sinh sau ngày 12/11/2019 cho đến khi trả xong tiền vay. Buộc bà Lâm Thị H trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện U Minh số tiền gốc là 11.000.000 đồng và tiền lãi là 12.469.754 đồng, tổng cộng là 23.469.754 đồng và lãi phát sinh sau ngày 12/11/2019 cho đến khi trả xong tiền vay.

Đối với khoản nợ của ông Hà Văn Ch: Ông Hà Văn Ch xác định ông Đỗ Văn L và bà Lâm Thị H còn nợ ông Ch số vàng 20 (hai mươi) chỉ vàng 24k. Ông L và bà H thừa nhận còn nợ vàng ông Ch. Tại phiên tòa ông L đồng ý trả cho ông Ch 12 chỉ vàng 24k, bà H trả cho ông Ch 08 chỉ vàng 24k. Do đó, buộc ông Đỗ Văn L trả cho ông Hà Văn Ch 12 chỉ vàng 24k; buộc bà Lâm Thị H trả cho ông Hà Văn Ch 08 chỉ vàng 24k.

[5] Đối với hợp đồng thuê đất giữa bà Lâm Thị H và ông Lâm Ngọc Đ các bên xác định đã chấm dứt và thực hiện xong nghĩa vụ, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6] Về chi phí đo đạc đất: Với số tiền 900.000 đồng, ông Đỗ Văn L và bà Lâm Thị H đều được giao quản lý đất nên mỗi người phải chịu 50%. Ông L đã nộp chi phí đo đạc xong nên buộc bà H có nghĩa vụ trả tiền chi phí đo đạc cho ông L với số tiền 450.000 đồng, theo quy định tại khoản 2 Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự.

[7] Về chi phí định giá: Với số tiền 4.400.000 đồng, ông Đỗ Văn L và bà Lâm Thị H đều được giao quản lý đất nên mỗi người phải chịu 50%. Ông L đã nộp chi phí định giá xong nên buộc bà H có nghĩa vụ trả tiền chi phí định giá cho ông L với số tiền 2.200.000 đồng, theo quy định tại khoản 2 Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự.

[8] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch ông Đỗ Văn L phải chịu tương ứng với phần diện tích được chia 6.840 m^2 có giá trị là 267.700.000 đồng và trả cho Ngân hàng chính sách xã hội phòng giao dịch huyện U Minh số tiền 9.123.121 đồng; trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn số tiền 23.469.754 đồng; Trả cho ông Hà Văn Ch 12 chỉ vàng 24k (vàng 4.100.000 đồng/1 chỉ) x 5% = 17.474.643 đồng, khi bản án có hiệu lực.

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà Lâm Thị H phải chịu tương ứng với phần diện tích được chia 6.840 m^2 có giá trị là 267.700.000 đồng và trả cho Ngân hàng chính sách xã hội phòng giao dịch huyện U Minh số tiền 9.123.121 đồng; trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn số tiền 23.469.754 đồng; Trả cho ông Hà Văn Ch 08 chỉ vàng 24k (vàng 4.100.000 đồng/1 chỉ) x 5% = 16.654.643 đồng, khi bản án có hiệu lực.

- Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện U Minh không phải chịu án phí, Ngân hàng đã nộp tạm ứng án phí số tiền 658.000 đồng theo biên lai thu tạn ứng án phí, lệ phí Tòa án số 08628 ngày 06/8/2014 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh trả lại cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện U Minh.

- Ngân hàng chính sách xã hội phòng giao dich huyện U Minh không phải chịu án phí. Ngân hàng chính sách xã hội phòng giao dịch huyện U Minh được miễn nộp tạm ứng án phí.

- Ông Hà Văn Ch không phải chịu án phí, ông Chiến đã nộp tạm ứng án phí số tiền 1.750.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 05793 ngày 24/8/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh, trả lại cho ông Chiến.

- Yêu cầu của bà Đỗ Thị M và của ông Đỗ Văn N (ông N chết) người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Nói là bà Lê Thị Đ và cháu Đỗ Văn N về việc chia thừa kế quyền sử dụng đất bị đình chỉ với lý do đã được triệu tập lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt nên tiền tạm ứng án phí sung công quỹ nhà nước. Bà Đỗ Thị M đã nộp tạm ứng án phí số tiền 2.280.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 008622 ngày 30/7/2014, ông Đỗ Văn N đã nộp tạm ứng án phí sô tiền 2.280.000 đồng, theo biên lai thu tam ứng án phí, lệ phí Tòa án số 008623 ngày 30/7/2014 sung công quỹ nhà nước.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 18; khoản 6 Điều 26; điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 26; Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 74; Điều 85; Điều 157; Điều 165; Điều 220; Điều 271; Điều 273; Điều 228 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 59 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Áp dụng điều 474 Bộ luật dân sự 2005; Điều 106 Luật đất đai 2003

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 2 Điều 18; khoản 6 Điều 26; điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

* Về tài sản chung:

- Giao cho ông Đỗ Văn L quản lý diện tích đất 6.840 m^2, tại ấp 15, xã KL, huyện U M, tỉnh CM, có vị trí tiếp giáp như sau: Phía Đ giáp đất của bà Nguyễn Thị Bá dài 456 mét, phía Tây giáp đất giao cho bà Lâm Thị H quản lý dài 456 mét, phía Nam giáp lộ nhựa T29 dài 15 mét, phía Bắc giáp bờ xáng kênh 500 dài 15 mét, phần đất giao cho ông Đỗ Văn L quản lý bà H đang quản lý, buộc bà H có nghĩa vụ giao lại cho ông Đỗ Văn L.

- Giao cho bà Lâm Thị H quản lý diện tích đất 6.840 m^2, tại ấp 15, xã KL, huyện U M, tỉnh CM, có vị trí tiếp giáp như sau: Phía Đ giáp đất giao cho ông Đỗ Văn L quản lý dài 456 mét, phía Tây giáp đất bà Sơn Thị Hai dài 456 mét, phía Nam giáp lộ nhựa T29 dài 15 mét, phía Bắc giáp bờ xáng kênh 500 dài 15 mét, phần đất do bà H đang quản lý, bà H tiếp tục quản lý.

* Về nợ chung:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng chính sách xã hội phòng giao dịch huyện U Minh về việc yêu cầu ông Đỗ Văn L và bà Lâm Thị H trả tiền vay.

+ Buộc ông Đỗ Văn L trả cho Ngân hàng chính sách xã hội phòng giao dịch huyện U Minh số tiền gốc là 6.000.000 đồng và tiền lãi là 3.123.121 đồng, tổng cộng là 9.123.121 (chín triệu một trăm hai mươi ba nghìn một trăm hai mươi mốt) đồng và lãi phát sinh sau ngày 12/11/2019 cho đến khi trả xong tiền vay.

+ Buộc bà Lâm Thị H trả cho Ngân hàng chính sách xã hội phòng giao dịch huyện U Minh số tiền gốc là 6.000.000 đồng và tiền lãi là 3.123.121 đồng, tổng cộng là 9.123.121 (chín triệu một trăm hai mươi ba nghìn một trăm hai mươi mốt) đồng và lãi phát sinh sau ngày 12/11/2019 cho đến khi trả xong tiền vay.

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện U Minh huyện U Minh về việc yêu cầu ông Đỗ Văn L và bà Lâm Thị H trả tiền vay.

+ Buộc ông Đỗ Văn L trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện U Minh huyện U Minh số tiền gốc là 11.000.000 đồng và tiền lãi là 12.469.754 đồng, tổng cộng là 23.469.754 (Hai mươi ba triệu bốn trăm sáu mươi chín nghìn bảy trăm năm mươi bốn) đồng và lãi phát sinh sau ngày 12/11/2019 cho đến khi trả xong tiền vay.

+ Buộc bà Lâm Thị H trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện U Minh huyện U Minh số tiền gốc là 11.000.000 đồng và

tiền lãi là 12.469.754 đồng, tổng cộng là 23.469.754 (Hai mươi ba triệu bốn trăm sáu mươi chín nghìn bảy trăm năm mươi bốn) đồng và lãi phát sinh sau ngày 12/11/2019 cho đến khi trả xong tiền vay.

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Hà Văn Ch về việc yêu cầu ông Đỗ Văn L và bà Lâm Thị H trả 20 chỉ vàng 24k.

+ Buộc ông Đỗ Văn L trả cho ông Hà Văn Ch 12 (Mười hai) chỉ vàng 24k.

+ Buộc bà Lâm Thị H trả cho ông Hà Văn Ch 08 (Tám) chỉ vàng 24k.

* Đình chỉ yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất của bà Đỗ Thị M về việc yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất với diện tích 4.560 m^2.

* Đình chỉ yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất của ông Đỗ Văn N (ông Nói chết), người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Nói là bà Lê Thị Đ, cháu Đỗ Văn N về việc yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất với diện tích 4.560 m^2.

* Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch ông Đỗ Văn L phải chịu số tiền 17.474.643 (mười bảy triệu bốn trăm bảy mươi bốn nghìn sáu trăm bốn mươi ba) đồng, khi bản án có hiệu lực.

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà Lâm Thị H phải chịu với số tiền 16.654.643 (mười sáu triệu sáu trăm năm mươi bốn nghìn sáu trăm bốn mươi ba) đồng, khi bản án có hiệu lực.

- Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện U Minh không phải chịu án phí, Ngân hàng đã nộp tạm ứng án phí số tiền 658.000 đồng theo biên lai thu tạn ứng án phí, lệ phí Tòa án số 08628 ngày 06/8/2014 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh trả lại cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện U Minh.

- Ngân hàng chính sách xã hội phòng giao dich huyện U Minh không phải chịu án phí. Ngân hàng chính sách xã hội phòng giao dich huyện U Minh được miến nộp tạm ứng án phí.

- Ông Hà Văn Ch không phải chịu án phí, ông Chiến đã nộp tạm ứng án phí số tiền 1.750.000 (Một triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 05793 ngày 24/8/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh, trả lại cho ông Chiến.

- Bà Đỗ Thị M đã nộp tạm ứng án phí số tiền 2.280.000 (Hai triệu hai trăm tám mươi nghìn) đồng, theo biên lai thu tam ứng án phí, lệ phí Tòa án số 008622 ngày 30/7/2014, ông Đỗ Văn N đã nộp tạm ứng án phí số tiền 2.280.000 (Hai triệu hai trăm tám mươi nghìn) đồng, theo biên lai thu tam ứng án phí, lệ phí Tòa án số 008623 ngày 30/7/2014 sung công quỹ nhà nước.

Án xử sơ thẩm các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Dư Thanh Nguyễn